

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 396/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-8-2020

V/v: Ly hôn giữa chị A, anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thu

Ông Đoàn Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên;

Ngày 07-8-2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21-7-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị Lan A, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu tại: Số nhà 20/63/188 đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú tại: Đội 4 thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Đức T, sinh năm 1980; nơi cư trú tại: Số nhà 20/63/188 đường T, phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa chị Lan A có mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, anh T không chịu tu trí làm ăn, chăm lo cuộc sống gia đình, luôn nghi ngờ chị

ngoại tình tạo áp lực về tinh thần, làm tổn thương sự tự trọng, không thể chịu đựng được. Chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 6 năm 2020 đến nay; chị xác định tình cảm không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Phương N, sinh ngày 04-02-2013 và Phan Gia H, sinh ngày 16-7-2017. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cả hai con. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu;

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận điều kiện kết hôn như chị Lan A trình bày. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì anh chỉ có một lỗi nhỏ, hiện tại anh vẫn còn yêu thương gia đình, anh không muốn các con phải khổ do các cháu còn nhỏ vì vậy anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận có 02 con chung như chị Lan A trình bày. Do không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm gì về giải quyết nuôi con.

Về tài sản, nhà đất, công nợ chung và các loại tài sản khác: Chị Lan A và anh Trọng không yêu cầu giải quyết.

Cháu Phan Phương N có đơn trình bày nếu bố mẹ ly hôn thì xin ở với mẹ

Tổ trưởng tổ dân phố số 27, phường N, thành phố N xác nhận vợ chồng chị Lan A và anh T có mâu thuẫn nguyên nhân cụ thể không nắm được, hiện nay vợ chồng không còn sống cùng nhau và đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên: Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa chị Lan A và anh T; giao con chung là Phan Phương N và Phan Gia H cho chị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận tự nguyện của chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Trọng đều không có mặt, không có lý do. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lan A và anh T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra

mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh T không tu trí làm ăn, thường xuyên nghi ngờ vợ có quan hệ với người đàn ông khác, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng không còn hạnh phúc, chị Lan A đã đưa các con về nhà ông bà ngoại ở từ tháng 6-2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa chị Lan A vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn. Anh T xác định có lỗi nhỏ với vợ nhưng vẫn thương yêu gia đình và vì các con nên không muốn ly hôn. Chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị Lan A và anh T có mâu thuẫn nên chị Lan A đã đưa con đi ở nơi khác. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Lan A và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử lý hôn giữa chị Lan A và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lan A và anh T có 02 con chung là Phan Phương N, sinh ngày 04-02-2013 và Phan Gia H, sinh ngày 16-7-2017. Chị Lan A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung; anh T không có ý kiến gì; cháu Phan Phương N có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ. Xét thấy hiện hai cháu còn nhỏ và đang ở với mẹ; nên cần sự chăm sóc của mẹ và cần đảm bảo sự ổn định về mọi mặt cho các cháu. Vì vậy giao hai cháu cho chị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với các quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình. Tại phiên tòa chị Lan A tự nguyện thay đổi quan điểm không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản, nhà đất và công nợ chung: Chị Lan A và anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Lan A phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đỗ Thị Lan A và anh Phan Đức T;

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Lan A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Phan Phương N, sinh ngày 04-02-

2013 và Phan Gia H, sinh ngày 16-7-2017. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị Lan A không yêu cầu anh Phan Đức T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phan Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung;

3. Án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Lan A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0003038 ngày 26-6-2020 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Nam Định.

4. Chị Đỗ Thị Lan A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Phan Đức T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- UBND phường N;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Công Khánh

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Công Khánh

